

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 966/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng miền núi Phú Yên đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư: số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP; số 21/2007/TT-BNN ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Tỉnh ủy Phú Yên (khóa XIV) “Về phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2006-2010”;

Trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh Phú Yên: Thông báo số 96/TB-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2007 về việc đồng ý lập Quy hoạch kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Phú Yên giai đoạn đến năm 2020; Công văn số 1877/UBND-TH ngày 12 tháng 09 năm 2008 về việc tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Báo cáo 272/BC-SKHĐT ngày 01 tháng 9 năm 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch, với các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM QUY HOẠCH

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi Phú Yên đến năm 2020.

2. Chủ Quy hoạch: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển kinh tế vùng bền vững, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng hiện đại; củng cố quốc phòng - an ninh, phát huy tinh thần đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, bộ máy hành chính tinh gọn, minh bạch, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lao động ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập; mở rộng dân chủ theo tinh thần dân thật sự làm chủ, có cơ hội tham gia vào đời sống chính trị xã hội.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư từ bên ngoài, đưa kinh tế vùng phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; bảo vệ vững chắc quốc phòng-an ninh và môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng, tạo đột phá về sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; đưa ngành nông - lâm nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật - công nghệ vào sản xuất, đảm bảo hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên; tập trung các nguồn lực cho đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Củng cố an ninh-quốc phòng, phát huy tình đoàn kết giữa các đồng bào dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, giải quyết hiệu quả việc làm cho người lao động, từng bước thu hẹp mức sống giữa các vùng, các cộng đồng dân cư; khắc phục hiện tượng di dân tự do; nâng cao mức sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển nội vùng và các địa phương lân cận nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, bổ sung kinh nghiệm cho nhau cùng phát triển; hạn chế sự đầu tư chồng chéo kém hiệu quả.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Chọn phương án 2 (nêu trong hồ sơ) làm phương án thực hiện; với đặc điểm: trên cơ sở dự báo khả năng thu hút nguồn lực đầu tư phát triển ở mức khá, có sự quan tâm, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và Trung ương, đồng thời có sự nỗ lực phấn đấu của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương.

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân: giai đoạn đến năm 2020: 13,8%/năm, trong đó: đến năm 2010: 13,2%/năm; giai đoạn 2011-2015: 13,7%/năm và giai đoạn 2016-2020: 14,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp: đến năm 2010: 44,6% - 25,3% - 30,1%; vào năm 2015: 48% - 30,3% - 21,7%; vào năm 2020: 46,7% - 38,2% - 15,1%.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người (VA/người), năm 2010 đạt 750USD, năm 2015 đạt 1.490 USD và năm 2020 đạt 2.700 USD.

- Thu ngân sách địa phương tăng bình quân: đến năm 2010: 12,5%/năm, giai đoạn 2011-2015: 13,2%/năm, giai đoạn 2016-2020: 14,5%.

2. Các chỉ tiêu về xã hội

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân 1,2 - 1,3%/năm; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống còn 26% năm 2010; 18% năm 2015 và < 10% năm 2020; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng hàng năm đạt 100%.

- Phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THPT vào năm 2015; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010: 30%; năm 2015: 40%; năm 2020: 60%; đảm bảo đến năm 2015 có 100% số xã có trường trung học cơ sở, các trung tâm cụm xã có trường trung học phổ thông; tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020 lên 45 - 50%; phấn đấu đạt các chỉ tiêu: nâng tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt 10% năm 2010, 45% năm 2020; trẻ em từ 3-5 tuổi vào mẫu giáo đạt 60% năm 2010 và 80% năm 2020; trẻ 5 tuổi vào lớp mẫu giáo lớn đạt 95% năm 2010 và 100% năm 2020; huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và duy trì, giữ vững 100% học sinh đến lớp trong suốt thời gian học chương trình tiểu học; huy động học sinh trong độ tuổi 11-15 đến trường THCS đạt 90% năm 2010 và 99% năm 2020; huy động học sinh trong độ tuổi 16-18 đến trường THPT đạt 68% năm 2010, đến trường trung học 20% và 70% năm 2020, đến trường trung học 25%.

- Dân số, lao động, việc làm: duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân khoảng 1,1 - 1,15%/năm; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 3.500 - 3.800 người; đến năm 2020 lao động nông nghiệp còn 45% tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành nghề, đến năm 2015 lao động nông nghiệp chiếm khoảng 55%; năm 2020 chiếm khoảng 45% trong tổng lao động xã hội.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 2,5 - 3%, đến năm 2010 còn 15%; năm 2015 còn 5%; đến năm 2020 **cơ bản** không còn hộ nghèo.

- Sau năm 2010, đầu tư mở rộng, tăng quy mô giường bệnh tất cả các trạm Y tế đạt bình quân 5 giường/trạm y tế; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 là 20%, năm 2020 là 70%; tăng tỷ lệ giường bệnh năm 2020, 20 giường/vạn dân; năm 2020, có 100% trạm y tế xã có bác sĩ và cử nhân điều dưỡng, đạt tỷ lệ 10 bác sĩ/vạn dân; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi 1-1,5%/năm vào năm 2020.

- Văn hóa: đến năm 2010, toàn vùng có 85% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 70% thôn, buôn và 10% xã văn hóa; tương ứng đến năm 2015: 92%; 85%; 50% và năm 2020: 98%; 90% và 60%; đến năm 2020: 100% thôn, buôn, khu phố có nhà văn hóa và tủ sách công cộng.

- Đến năm 2020 có: 100% xã có sân bóng đá, trên 50% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; 100% trường thực hiện nề nếp giáo dục thể chất; 100% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, dân số đô thị năm 2010 chiếm 18%, năm 2015: 20%, năm 2020: 35%.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020: 56%.

- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước máy năm 2010: 95%; năm 2015: 100%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh năm 2010: 70%, năm 2015: 90%, năm 2020: 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có công trình hợp vệ sinh 67% năm 2010; 90% năm 2015; 95% năm 2020.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Các ngành kinh tế

a) Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản: tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2020: 5,8%/năm, trong đó: đến năm 2010: 5,7%/năm; giai đoạn 2011-2015: 5,8%/năm, giai đoạn 2016-2020: 6%;

- Nông nghiệp: Đa dạng hóa sản phẩm, có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao, có sản lượng lớn phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu; đến năm 2020, diện tích trồng lúa bình quân hàng năm từ 9.000 - 9.600ha, bắp: 6 - 7 nghìn ha; mía: 15.000 - 16.000ha; sắn mì: 9.000ha; cây cao su: trên 10.000ha; cây điều lộn hột: 5.000ha; cây ca cao: 1.500 - 2.000ha.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa chủ lực; đến năm 2020, đàn bò: 288 ngàn con; đàn heo: 108 nghìn con; số lượng đàn gia cầm: 2,5 - 3 triệu con.

- Lâm nghiệp: Tập trung khoanh nuôi, bảo vệ và tái sinh rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ở khu vực đầu nguồn xung yếu của các sông, suối, hồ chứa nước để giảm lũ, giữ nước, bảo đảm cho các công trình thủy điện và thủy lợi.

- Thủy sản: Khai thác diện tích mặt nước các hồ thủy điện Sông Hinh, Sông Ba Hạ, các hồ: Đồng Tròn, Phú Xuân, Suối Phèn, Vân Hòa...; chuyển đổi một số diện tích lúa năng suất thấp sang nuôi cá, nuôi các loại thủy sản nước ngọt kết hợp; diện tích mặt nước nuôi thủy sản nước ngọt năm 2020: 10.000ha.

b) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2020: 15,6%, trong đó đến năm 2010: 18,5%, giai đoạn 2011-2015: 15%/năm và giai đoạn 2016-2020: 13,5%.

c) Các ngành dịch vụ: đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2020: 17%/năm, trong đó: đến năm 2010: 14%/năm, giai đoạn 2011-2015: 17,5% và giai đoạn 2016-2020: 19,5%;

*** Hướng phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

- Công nghiệp năng lượng: nâng cao năng lực, hiệu quả các Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, Sông Ba Hạ; tạo điều kiện triển khai xây dựng hoàn thành đưa vào hoạt động các công trình thủy điện: Krôngnăng, Krôngnăng Hạ, La Hiên 1 và 2, La Hiên Hạ, Khe Cách, Đá Đen, Sơn Giang.

- Công nghiệp chế biến nông lâm sản: nâng cao hiệu quả hoạt động các nhà máy chế biến: Nhà máy đường KCP Sơn Hòa 5.000 tấn mía/ngày, nâng công suất Nhà máy đường KCP Đồng Xuân lên 2.000 tấn mía/ngày, đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng tạo thuận lợi thu hoạch ở vùng nguyên liệu tại các xã Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây (huyện Tây Hòa) và huyện Sông Hinh cho Nhà máy Đường Tuy Hòa; hỗ trợ triển khai đầu tư nhà máy sản xuất phân bón vi sinh, nhiệt điện từ phế phẩm; khuyến khích đầu tư các sản phẩm sau đường (cồn, rượu, bánh, kẹo, ván xốp...); gọi vốn đầu tư các nhà máy: chế biến mủ cao su, sản xuất giấy - bột giấy, chế biến lâm sản (gỗ mỹ nghệ, ván dăm,...), nhà máy chế biến gia súc, gia cầm; xây dựng nhà máy chế biến nước giải khát (từ rau quả, nhà máy chế biến, sấy khô chuối, mít); tạo điều kiện các nhà máy chế biến tinh bột sắn Sông Hinh, Đồng Xuân tập trung đầu tư chiều sâu (không chế tổng công suất thiết kế ≤ 500 tấn sản phẩm/ngày).

- Công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản: kêu gọi đầu tư Nhà máy Khai thác - chế biến đá Granit (tại xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu), đá xây dựng, đá mỹ nghệ (tại các xã: Sơn Xuân - huyện Sơn Hòa, xã An Thọ - huyện Tuy An, xã Ealy - huyện Sông Hinh), các loại vật liệu xây dựng không nung, vật liệu lọc, vật liệu trang trí, sản phẩm từ

quặng diatomite; tạo điều kiện để sớm triển khai xây dựng nhà máy sản xuất Bột trợ lọc (công suất 2.500-5.000 tấn/năm); khuyến khích xây dựng nhà máy sản xuất Nước khoáng (công suất 5 triệu lít/năm; tại xã Sơn Thành Đông).

- Công nghiệp sản xuất và phân phối nước: nâng công suất các nhà máy nước tại các thị trấn La Hai, Hai Riêng, Củng Sơn lên 8.000 - 10.000m³/ngày đêm; xây dựng mới nhà máy nước tại Sơn Long (huyện Sơn Hòa) công suất 3.000 - 5.000m³/ngày đêm.

- Cơ khí sửa chữa: Khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản: máy canh tác, máy chế biến lương thực thực phẩm, máy bơm nước...

- Tiểu thủ công nghiệp: Khôi phục, phát triển nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc (ở các xã: Sơn Định, Suối Trai huyện Sơn Hòa, Buôn Diêm thị trấn Hai Riêng huyện Sông Hinh, xã Xuân Lãnh huyện Đồng Xuân); nghề chế tác đá mỹ nghệ (ở khu vực Đá Bàn, xã Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa, thôn Kim Sơn, xã An Thọ, huyện Tuy An); nghề đan lát, mây tre nứa lá tại các xã phía Tây huyện Tuy An, các huyện: Tây Hòa, Đồng Xuân...;

*** Tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp ở: La Hai (huyện Đồng Xuân), Ba Bản (huyện Sơn Hòa) và huyện Sông Hinh; phát triển các cụm công nghiệp với quy mô thích hợp, ở: Xuân Phước, Xuân Quang (huyện Đồng Xuân); Kiến Thiết (huyện Sơn Hòa); Đức Bình Đông, EaBar (huyện Sông Hinh); Sơn Thành Đông (huyện Tây Hòa), Động Kê Gai (xã An Lĩnh, huyện Tuy An); xây dựng các khu công nghiệp theo hướng gắn với trục giao thông: địa bàn huyện Sơn Hòa gắn với trục quốc lộ 25 và trục phía Tây; địa bàn huyện Sông Hinh gắn với ĐT645 (dự kiến là quốc lộ 29) và đường Đông Trường Sơn, với loại hình công nghiệp chế biến (quy mô 300-350ha/khu).

c) Các ngành dịch vụ: Phát huy vai trò của các trung tâm thương mại - dịch vụ ở các thị trấn: La Hai (huyện Đồng Xuân), Củng Sơn (huyện Sơn Hòa), Hai Riêng và Ealy (huyện Sông Hinh), Sơn Thành Đông (huyện Tây Hòa).

- Thương mại: Tiếp tục thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc tại một số xã đặc biệt khó khăn; xây dựng, kiên cố hoá và tổ chức khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ: chợ đầu mối nông lâm sản Ealy, chợ nông sản Bình Nông (xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu); chợ trung tâm thị trấn La Hai; Củng Sơn, khôi phục lại chợ Đồn (Sơn Long, huyện Sơn Hòa) và chợ các xã nông thôn trên toàn vùng.

- Du lịch: Khai thác các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, mặt nước các hồ thủy điện và địa hình để phát triển mạnh các loại hình du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch độc đáo mang màu sắc văn hoá dân tộc, có nét đặc thù (tắm bùn, tắm nước khoáng, vui chơi giải trí, lễ hội dân gian,...); xây dựng cao nguyên Vân Hòa thành đô thị

du lịch nghỉ mát của tỉnh; phát triển lễ hội đập Đồng Cam (huyện Phú Hòa), nâng lễ hội đua ngựa truyền thống hàng năm ở xã An Xuân (huyện Tuy An) lên quy mô cấp tỉnh và khu vực; kêu gọi đầu tư các khu du lịch tại: các hồ chứa nước lớn, các thác, suối, vực, các nguồn nước khoáng và các di tích lịch sử, phát triển du lịch sinh thái nhân văn buôn, thôn, làng.

2. Các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động, việc làm, giảm nghèo: Nâng cao mức sống các hộ đã thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo, đồng thời giúp đỡ các hộ cận nghèo ổn định cuộc sống, phát triển vươn lên; nâng cao chất lượng cuộc sống cho các hộ nghèo, gia đình chính sách.

b) Giáo dục - Đào tạo:

* **Giáo dục:** Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THPT; đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo theo đúng chuẩn sư phạm có sân chơi, bãi tập;

* **Đào tạo:** Tăng cường nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức dạy nghề; tạo điều kiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trường trung cấp Nghề thanh niên dân tộc thiểu số Phú Yên (tại Sơn Hòa), Trung tâm Dạy nghề ở các huyện: Đồng Xuân, Sông Hinh thành trường dạy nghề theo chuẩn quốc gia, tạo điều kiện để phát triển thành trường trung học nghề vào những năm sau 2015; thành lập, xây mới Trung tâm Dạy nghề ở Vân Hòa.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Đa dạng hóa các loại hình phục vụ và lực lượng tham gia, trong đó chú trọng phát triển y tế công; mở rộng bảo hiểm y tế, tăng nhanh tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế:

- Cải tạo, phát triển Bệnh viện Đa khoa Sơn Hòa thành Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi, tăng quy mô lên 150 giường vào sau năm 2015; đầu tư mở rộng tăng quy mô Bệnh viện Đồng Xuân lên 100 giường vào năm 2020; đầu tư mở rộng tăng số giường Bệnh viện Sông Hinh lên 70 giường vào năm 2020; xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tại Sơn Long, quy mô khoảng 50 giường sau năm 2015;

- Đầu tư mở rộng, tăng quy mô giường bệnh tất cả các trạm y tế; giữ ổn định các phòng khám đa khoa hiện hữu, chọn một số trạm y tế tại các trung tâm cụm xã để đầu tư phát triển thành phòng khám đa khoa khu vực với quy mô 10 giường/phòng khám (xã An Lĩnh, huyện Tuy An, các xã: Đức Bình Đông, Sơn Giang, Eabar, huyện Sông Hinh), xây dựng mới trạm y tế tại một số xã sẽ thành lập mới;

- Phát triển nhanh số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hạ thấp tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét, broun cổ, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em.

d) Văn hóa - thông tin:

- Phân đấu xây dựng hộ gia đình, thôn, buôn, xã đạt tiêu chuẩn văn hóa, có nhà văn hóa và tủ sách công cộng;

- Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa: nhà thờ Bác Hồ (xã Sơn Định, huyện Sơn Hòa), đầu tư phục hồi di tích địa đạo Gò Thi Thùng (xã An Xuân, huyện Tuy An); nâng lễ hội đua ngựa truyền thống (xã An Xuân, huyện Tuy An) lên quy mô cấp tỉnh, khôi phục một số nghề truyền thống của đồng bào các dân tộc miền núi; xây dựng, bảo tồn một số buôn làng văn hoá của đồng bào các dân tộc: các buôn khu vực gần hồ Sông Hinh, buôn Hoà Ngãi (huyện Sơn Hoà)... gắn với các hoạt động phát triển du lịch;

- Tăng cường cơ sở vật chất cho ngành thể dục thể thao từ huyện đến xã; dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; các trường thực hiện nề nếp giáo dục thể chất; học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

3. Phát triển khoa học công nghệ

Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ đủ mạnh đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất; lựa chọn phát triển một số công nghệ trọng điểm: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ cơ khí, công nghệ chế biến...

4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Hệ thống giao thông - vận tải:

- Mạng giao thông đối ngoại: Phát triển dựa theo trục dọc miền Tây, ĐT645, tuyến Trường Sơn Đông, quốc lộ 25, nối khu vực miền núi với thành phố Tuy Hòa, các huyện, tỉnh lân cận tạo điều kiện phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi, các điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương mại dịch vụ;

+ Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh đầu tư nâng cấp quốc lộ 25;

+ Sớm hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng trục giao thông phía Tây nối Phú Yên với Bình Định và Đắk Lắk; hình thành hệ thống tuyến đường ngang thông suốt với trục giao thông phía Tây;

+ Đầu tư xây dựng các tuyến nối tỉnh Phú Yên với tỉnh Gia Lai: tuyến từ huyện Đồng Xuân đến huyện Kongchro, hoàn thành trước năm 2015; tuyến ĐT646, từ huyện Sơn Hòa đến huyện Krông Pa (tại xã Đất Bằng), tiếp nối tuyến Đông Trường Sơn;

+ Đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT645 và kiến nghị Trung ương chuyển thành quốc lộ (dự kiến là quốc lộ 29) nối với Đắk Lắk (điểm cuối tại cửa khẩu Đắc Ruê); phối hợp Trung ương đầu tư xây dựng tuyến Đông Trường Sơn (đoạn qua huyện Sông Hinh);

+ Đầu các tuyến đường trên cơ sở: (nâng cấp) ĐT648, một phần ĐT643, (xây mới) đoạn nối ĐT643 - xã lộ 20, liên thông huyện Sơn Hòa - huyện Tuy An – thành phố Tuy Hòa; tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các tuyến: ĐT641, ĐT644, ĐT643 và các tuyến tỉnh lộ khác qua địa bàn vùng;

- Mạng giao thông nội vùng: tiếp tục đầu tư củng cố mạng lưới giao thông nội vùng, đảm bảo đến năm 2020, 100% đường nội thị, huyện lộ được nhựa hóa và xã lộ được bê tông hóa;

- Đường sắt: kiến nghị và tạo điều kiện Trung ương đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Tuy Hòa - Tây Nguyên;

- Bến, bãi đỗ xe: cải tạo, nâng cấp bến xe Sông Hinh; di dời, xây mới bến xe trung tâm các huyện: Sơn Hòa, Đồng Xuân; xây mới bến xe Sơn Long và hệ thống bến xe tại các trung tâm cụm xã; phát triển mạng lưới vận tải theo các trục giao thông quan trọng (Quốc lộ 25, ĐT645, trục giao thông phía Tây,...); hoàn chỉnh hệ thống giao thông công cộng liên kết các thị trấn: La Hai, Củng Sơn, Hai Riêng với thành phố Tuy Hòa, với các thị trấn lân cận, điểm du lịch, các loại hình vận tải khác nhau, tạo liên thông, thuận lợi việc đi lại giữa các vùng miền.

b) Hệ thống thủy lợi: đầu tư, đưa vào sử dụng một số công trình thủy lợi lớn: hệ thống thủy lợi sau Thủy điện Sông Hinh, Thủy điện Sông Ba Hạ, hồ chứa nước Mỹ Lâm; các hồ chứa nước: Buôn Thu, Hóc Bò Túi, Mạch Dứa, Tân Hiên, Tổng Bình, Hồ Duối, Suối Vực, Suối Gấu, Đồng Cầu, La Bách, thủy lợi sử dụng nước lòng hồ Sông Ba Hạ, kênh Tây đập sông Con sử dụng nước sau thủy điện Sông Hinh, trạm bơm Bến Trâu, đập dâng E Ngao, hồ Buôn Đức, trạm bơm Buôn Bai, đập dâng Suối Tre và trạm bơm Hòa Sơn trên địa bàn huyện Sông Hinh; các hồ: Kỳ Châu, Hà Dom, Vững Lang, Suối Cối, Tân Vinh, Sông Mun... đảm bảo đến năm 2020 có 65 - 70% diện tích cây trồng hàng năm được tưới; đầu tư kè chống sạt lở, đảm bảo an toàn những đoạn xung yếu trên sông Ba, sông Kỳ Lộ, sông Con...

c) Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải:

- Cấp nước: nâng công suất các nhà Máy nước (ở: La Hai, Hai Riêng, Củng Sơn) lên 8.000 - 10.000m³/ngày.đêm, đảm bảo cung cấp nước cho đô thị và vùng phụ cận; xây mới nhà máy nước tại Sơn Long (công suất 3.000 - 5.000m³/ngày.đêm); lồng ghép các dự án đầu tư cấp nước sạch (Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với các Chương trình 134, 135...); xây mới, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch tại các trung tâm (cụm xã, xã), các vùng tập trung dân cư, các khu vực khó khăn nguồn nước; phấn đấu đến năm 2020 **cơ bản** 100% hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh;

- Thoát nước, xử lý chất thải và nghĩa trang:

+ Chú trọng đầu tư hệ thống thoát nước tại các thị trấn: Củng Sơn, Lai Hai, Hai Riêng và các thị trấn sẽ thành lập; phấn đấu đến năm 2020, các khu đô thị đều có hệ thống thoát nước phù hợp;

+ Xây dựng mới 3 bãi rác tập trung tại các huyện: Sông Hinh (khu phố 10, thị trấn Hai Riêng), Sơn Hòa (khu phố Trung Hòa, thị trấn Củng Sơn), Đồng Xuân (khu phố Long Thăng, thị trấn Hai Riêng), quy mô bình quân 10ha/bãi; hình thành các trạm trung chuyển thu gom sơ cấp tại các thị tứ, trung tâm cụm xã (quy mô bình quân 0,5ha/trạm);

+ Tôn tạo cảnh quan nghĩa trang liệt sĩ các huyện; xây dựng mới các nghĩa trang (ở các thị trấn: Hai Riêng, La Hai; quy mô 5ha/điểm) và nghĩa trang tại các xã gắn với phong tục chôn cất văn hóa tích cực.

d) Hệ thống cấp điện: đầu tư cải tạo hoàn thiện hệ thống lưới điện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tiếp tục mở rộng hệ thống lưới điện đến các địa phương theo phương châm “đường đến đâu, lưới điện quốc gia đến đó”; phấn đấu đến năm 2010, tỷ lệ sử dụng điện đạt trên 95% số hộ và 100% vào năm 2015.

e) Bru chính viễn thông: Tăng cường cơ sở vật chất các bưu điện văn hóa xã, xây dựng bưu điện cấp huyện tại Sơn Long; phát triển hệ thống trạm thu phát sóng di động, phục vụ tốt hơn nhu cầu thông tin liên lạc; tăng nhanh mật độ sử dụng điện thoại các loại; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ sử dụng đạt 40 - 45 máy/100 dân; đưa hệ thống internet đi vào đời sống kinh tế - xã hội, đến năm 2015, các cơ quan hành chính từ cấp huyện đến cấp xã được kết nối với mạng internet; 100% cán bộ, công nhân viên chức biết sử dụng internet.

5. Đảm bảo quốc phòng-an ninh

- Nâng cao hiệu quả các giải pháp xây dựng tiềm lực khu vực phòng thủ; xây dựng các lượng vũ trang và dân quân tự vệ vững mạnh toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ an ninh khu vực giáp ranh các tỉnh lân cận; có phương án sẵn sàng hỗ trợ các tỉnh Tây Nguyên khi cần thiết; xây dựng Trung tâm giáo dục quốc phòng của tỉnh, đủ năng lực bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng; quy hoạch, bố trí quỹ đất xây dựng nhà làm việc, trực ban Chỉ huy quân sự cấp xã; đầu tư phần ngân sách địa phương, thực hiện hiệu quả Luật Dân quân tự vệ.

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nắm vững tình hình, chủ động giải quyết tranh chấp mâu thuẫn nội bộ nhân dân, không để xảy ra điểm nóng; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; truy quét, tấn công trấn áp tội phạm, từng bước đẩy lùi tệ nạn xã hội; tăng cường kỷ luật quản lý xã hội.

6. Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

a) Phát triển các vùng kinh tế:

- Vùng thị trấn và phụ cận: gồm các thị trấn hiện có: La Hai, Củng Sơn, Hai Riêng và một số thị trấn dự kiến thành lập; *hướng phát triển chủ yếu*: đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng các đô thị hiện có gắn với mở rộng không gian phù hợp chức năng đô thị; trong đó, chú trọng đầu tư nâng cấp thị trấn Củng Sơn thành thị xã - đô thị trung tâm khu vực, các thị trấn: Hai Riêng, La Hai thành thị xã - đô thị trung tâm các tiểu khu vực của vùng miền núi; phát triển mạnh, đồng bộ các loại hình dịch vụ-thương mại chất lượng cao: tài chính tín dụng, giáo dục, chuyên giao khoa học kỹ thuật, tư vấn...; hình thành các cơ sở công nghiệp chế biến quy mô vừa và nhỏ với nhiều trình độ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn trong tỉnh;

- Vùng nông thôn đồi núi: là vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; *hướng phát triển chủ yếu*: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giảm dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung (mía, sắn, cao su...), cùng với đầu tư bảo vệ, tu bổ, khoanh nuôi rừng, phát triển công nghiệp rừng, chăn nuôi đại gia súc, phát triển các mô hình kinh tế đặc thù (trang trại vườn rừng, trang trại chăn nuôi...).

b) Đầu tư phát triển hệ thống đô thị: Chú trọng, ưu tiên công tác lập quy hoạch xây dựng đi trước và gắn với đầu tư; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, đáp ứng nhu cầu cộng đồng về hưởng thụ các tiện ích, tiện nghi phúc lợi đô thị; xây dựng, tạo lập không gian cảnh quan kiến trúc có bản sắc văn hóa, phù hợp đặc điểm khí hậu môi trường vùng miền:

- Thị trấn Củng Sơn: tăng cường đầu tư phát triển thị trấn Củng Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV khoảng năm 2015, tạo tiền đề chuyển thành cấp thị xã vào khoảng năm 2020; trở thành trung tâm chính trị văn hóa, khoa học-công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, thương mại dịch vụ, du lịch của khu vực miền núi Phú Yên;

- Khu vực xã Sơn Long: đầu tư phát triển khu vực xã Sơn Long thành thị tứ, đạt các tiêu chí của đô thị loại V (khoảng năm 2015), tạo tiền đề hình thành trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế, giáo dục và dịch vụ thương mại - thị tứ huyện lỵ của huyện mới khu cao nguyên Vân Hòa (dự kiến thành lập vào khoảng năm 2015), đạt cấp thị trấn huyện lỵ (khoảng năm 2020);

- Khu vực xã Ngân Điền (huyện Sơn Hòa): đầu tư phát triển thành thị tứ (khoảng năm 2015), tiếp tục đầu tư đạt tiêu chí đô thị loại V, tạo tiền đề khi Củng Sơn đạt cấp thị xã thì chuyển thành phường (khoảng năm 2025);

- Thị trấn Hai Riêng: phân đầu đầu tư, khoảng năm 2020 đạt các tiêu chí của đô thị loại IV, là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế, giáo dục và dịch vụ thương mại của huyện Sông Hinh;

- Khu vực Tân Lập-xã Ea Ly (huyện Sông Hinh): đầu tư phát triển thị tứ Tân Lập, đạt các tiêu chí đô thị loại V (khoảng năm 2020), tạo tiền đề thành cấp thị trấn (khoảng năm 2025);

- Thị trấn La Hai: đầu tư để thực sự đạt tiêu chí đô thị loại V, nâng lên loại IV, là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế, giáo dục và dịch vụ thương mại của huyện Đồng Xuân;

- Khu vực xã Xuân Lãnh (huyện Đồng Xuân): đầu tư phát triển thành thị tứ (khoảng năm 2015), tiếp tục đầu tư đạt tiêu chí đô thị loại V (khoảng năm 2020), thành cấp thị trấn (khoảng năm 2025);

- Khu vực xã Sơn Thành Đông (huyện Tây Hòa): đầu tư phát triển khu vực thôn Thân Bình (xã Sơn Thành Đông) đến năm 2015 thành thị tứ; sau 2015, tiếp tục đầu tư thị tứ Thân Bình, tạo tiền đề phát triển xã Sơn Thành Đông đạt tiêu chí đô thị loại V (khoảng năm 2020), chuyển thành cấp thị trấn (khoảng năm 2025);

Xem Biểu - **Mốc thời gian đô thị hóa miền núi Phú Yên**, tại *Phụ lục kèm Quyết định này*.

c) Phát triển điểm dân cư nông thôn khu vực miền núi: Tổ chức quy hoạch, thực hiện phân bố dân cư chú trọng việc lựa chọn địa điểm nhằm phòng giảm ảnh hưởng thiên tai, hình thành khu-điểm dân cư theo mô hình nông thôn mới, tiến tới hình thành mô hình xã nông thôn mới gắn với các dự án, các công trình quan trọng (Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ, La Hiên...), các dự án lâm nghiệp, các cụm tiểu thủ công nghiệp nhằm thuận tiện trong sản xuất, sinh sống, khai thác hiệu quả kinh tế và nguồn lực tại chỗ; các điểm dân cư mới được bố trí gần các trục tuyến giao thông chính của vùng, nhưng phải có quy hoạch xây dựng đường gom, giảm giao cắt với tuyến chính (ĐT645, ĐT642, ĐT643, ĐT648, ĐT647, đường liên xã, liên thôn).

d) Tổ chức đơn vị hành chính: Lập đề án, khi có điều kiện và chủ trương chung thì trình các cấp điều chỉnh thành lập các đơn vị hành chính mới (như nêu tại khoản b mục 6):

- Thành lập huyện mới Vân Hòa;

- Nâng cấp thị trấn Củng Sơn lên thị xã gắn việc với việc điều chỉnh, hình thành các đơn vị hành chính mới;

- Điều chỉnh các đơn vị hành chính (các xã: Etrol, EaBia, Đức Bình Đông, Sơn Giang của huyện Sông Hinh) để thành lập xã mới;

- Tách xã Phú Mỡ (huyện Đồng Xuân) thành 2 xã (Phú Mỡ và Phú Hải), xã Hòa Thịnh (huyện Tây Hòa) thành 2 xã.

7. Khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu chung: Ngăn chặn về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm, hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi đối với môi trường vùng miền núi và vùng phụ cận, vùng đồng bằng.

b) Các định hướng bảo vệ môi trường chủ yếu:

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc, phân bón hợp lý, đẩy mạnh các chương trình khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích nông dân triển khai ứng dụng các mô hình IPM, VAC, VACR; nâng cao kỹ thuật thâm canh, giảm bớt dùng hóa chất; ứng dụng khoa học-công nghệ vào sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy, thay thế dần thuốc bảo vệ thực vật;

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường tại các nhà máy lớn: Đường KCP, Tinh bột sản Sông Hình, Đồng Xuân, các nhà máy sản xuất đá granit; bố trí các cơ sở sản xuất có tính độc hại ở khu vực xa dân cư, cách xa nguồn nước sinh hoạt; khi đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, xây dựng thủy điện phải gắn kết chặt chẽ với công tác bảo vệ môi trường;

- Bố trí các điểm thu gom rác thải tại những nơi đông dân cư, chợ, trường học, trung tâm y tế..., đưa về nơi xử lý rác thải tập trung;

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng người dân, trong trường học, tăng cường quảng bá bằng panô, áp-phích ở nơi công cộng, nhất là nơi đông bào các dân tộc thiểu số sinh sống, vận động làm nhà vệ sinh, chăn nuôi có chuồng trại, thực hiện ăn chín, uống sôi;

- Tăng cường phục hồi, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, phát triển trồng cây xanh, vườn hoa tại các khu dân cư, dọc các trục giao thông.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

Xem Biểu - **Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020 vùng miền núi** tại Phụ lục kèm Quyết định này.

9. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2012-2020 ước khoảng 52,9 nghìn tỷ đồng, trong đó, giai đoạn đến 2012: 5,9 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2012-2020: 47 nghìn tỷ đồng; dự kiến cơ cấu huy động vốn đầu tư:

- Ngân sách nhà nước: 35 - 40%;

- Vốn doanh nghiệp, nhân dân và FDI: 40 - 45%;

- Vốn tín dụng và các nguồn khác: 20 - 25%.

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động:

- Duy trì, củng cố chương trình xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS, tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục THPT; khuyến khích, có cơ chế hỗ trợ phù hợp cho

giáo viên đến công tác lâu dài tại miền núi; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giáo dục; phát triển, hoàn thiện mạng lưới dạy nghề;

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp-hiện đại làm nhân tố chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp-nông thôn; phát triển thị trường dịch vụ lao động, hình thành các trung tâm môi giới, giới thiệu việc làm.

c) Giải pháp về khoa học-công nghệ: Tăng cường phát triển khoa học-công nghệ, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển, tham gia hoạt động khoa học-công nghệ trên địa bàn miền núi; tuyển chọn, gửi đi đào tạo các cán bộ khoa học-công nghệ có năng lực-phẩm chất thuộc các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên phát triển; thực hiện chế độ đãi ngộ, ưu đãi; cải thiện phương tiện, trang bị làm việc khoa học-công nghệ; thu hút sự giúp đỡ, tư vấn, hợp tác của các tổ chức, cá nhân trong-ngoài nước trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học-công nghệ chất lượng cao; liên kết thực hiện các công trình khoa học-công nghệ.

d) Giải pháp về bảo vệ môi trường: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

e) Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý hành chính nhà nước: Tiếp tục kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước các cấp, thực hiện sâu rộng cơ chế “một cửa”, tăng cường đào tạo, luân chuyển cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước.

f) Giải pháp về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Phát triển đồng bộ các loại thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu tại chỗ và thị trường nước ngoài; phát triển rộng thị trường nội vùng, mở rộng nội tỉnh, các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, các đô thị lớn: Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Nha Trang, Bình Định...; đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng chủ lực (đường, tinh bột sắn, tiêu, điều, đá mỹ nghệ...); trước mắt, thông qua các tổ chức tư vấn, các doanh nghiệp liên doanh; tiến tới, đẩy mạnh mối quan hệ mua bán trực tiếp với các nước: Lào, Campuchia, Nga, và các nước Đông Âu, Nam Á, Nhật Bản, Hàn Quốc...

g) Giải pháp về phát triển vùng nguyên liệu: Xây dựng các vùng nguyên liệu gắn với các cơ sở chế biến, tăng cường các mối quan hệ gắn kết giữa “bốn nhà”; nghiên cứu thực hiện chế độ bảo hiểm với người cung cấp nguyên liệu.

h) Giải pháp về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần: Khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế đầu tư vào vùng, chú trọng tổ chức sản xuất theo hướng kinh tế hộ, kinh tế trang trại; tạo cơ chế thích hợp để các hộ nông dân, các chủ trang trại, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh.

i) Giải pháp về liên kết, hợp tác giữa các địa phương: Tăng cường, củng cố, phát triển chặt chẽ các mối quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết giữa các huyện trong vùng, với các vùng trong tỉnh và các tỉnh lân cận; trước mắt, phối hợp trong một số lĩnh vực xây dựng các tuyến giao thông liên huyện, liên tỉnh; các dự án đầu tư, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin mở, hỗ trợ trong lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch sau khi phê duyệt; hướng dẫn các ngành, địa phương cụ thể hóa quy hoạch đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm; đề xuất các phương án tổ chức chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

- Ủy ban nhân dân các huyện miền núi, các huyện, thị xã có xã miền núi: phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan để xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi trên địa bàn.

- Ban Dân tộc: đề xuất các chính sách, các chủ trương, dự án hỗ trợ phát triển miền núi, hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển kinh tế xã hội, ổn định đời sống, an ninh chính trị.

- Các sở, ban, ngành liên quan khác: theo chức năng phối hợp thực hiện.

Điều 2. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; chủ quy hoạch; UBND các huyện: Đồng Xuân, Tuy An, Sơn Hòa, Phú Hòa, Tây Hòa, Sông Hinh, thị xã Sông Cầu; Thủ trưởng các cơ quan liên quan, chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Yên)

Biểu 1- Mốc thời gian đô thị hóa miền núi Phú Yên

TT	ĐỊA DANH	MỐC THỜI GIAN HÌNH THÀNH - LÊN LOẠI, CẤP				GHI CHÚ
		2010	2015	2020	2025	
1	Huyện Vân Hòa		Huyện			Phụ thuộc nếu có kết luận sớm về đại DA SDb
2	Sơn Long (huyện Vân Hòa tương lai)	Thị tứ	- Đô thị loại V - Thị tứ huyện lỵ	Thị trấn huyện lỵ	Đô thị loại IV	- 2015 : không phụ thuộc việc chia Sơn Hòa (hiện tại); - 2020 : phụ thuộc việc lập huyện Vân Hòa
3	Củng Sơn	Thị trấn	đô thị loại IV	Thị xã	Đô thị loại III	- 2020 : phụ thuộc tốc độ nâng cấp, khai thác QL25
4	Ngân Điền	Thị tứ (2012)	Thị tứ	- Đô thị loại V - phường	Phường	- 2012 : không phụ thuộc việc chia Sơn Hòa (hiện tại); - 2020 : phụ thuộc việc thành lập TX.Củng Sơn
5	Huyện Sơn Hòa (mới)			Huyện		Cùng lúc với thành lập Tx.Củng Sơn
6	Tân Hội-Trà Khê, xã Sơn Hội (huyện Sơn Hòa mới)	Thị tứ	Thị tứ	Thị tứ huyện lỵ	- Đô thị loại V - Thị trấn huyện lỵ	- 2020 : phụ thuộc việc chia Sơn Hòa (cũ) thành 3 đơn vị mới (TX. Củng Sơn, các huyện: Sơn Hòa (mới) và Vân Hòa)
7	Hai Riêng (huyện Sông Hinh)	Thị trấn huyện lỵ	Đô thị loại V	Đô thị loại IV	- Đô thị loại III - Thị xã	- 2025 : phụ thuộc đầu tư nâng cấp, khai thác QL29 (ĐT645 hiện tại)
8	Tân Lập, xã Ea Ly (huyện Sông Hinh)	Thị tứ	Thị tứ	Đô thị loại V	Thị trấn	
9	La Hai (huyện Đồng Xuân)	- Thị trấn huyện lỵ - Đô thị loại V	Đô thị loại IV	đô thị loại IV	Đô thị loại III	2011-2014 : - Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện đô thị loại V; - Thủ tục lên đô thị loại IV

10	Xuân Lãn (huyện Đông Xuân)		Thị tứ	Đô thị loại V	Thị trấn	Phụ thuộc đầu tư, nâng cấp ĐT644 (Sông Cầu-Đông Xuân)
11	Thân Bình, xã Sơn Thành Đông (huyện Tây Hòa)		Thị tứ	Đô thị loại V	Thị trấn	

Chú giải:

- Các đô thị phải đạt loại đô thị quy định **trước** khi trở thành cấp đô thị cao hơn;
- Để nâng loại đô thị, thời gian (đầu tư đạt tiêu chí mức độ tiện nghi hạ tầng và lập thủ tục chuyển loại đô thị) trung bình 05 năm;
- Để nâng cấp đô thị, thời gian (đầu tư hoàn thiện hạ tầng và lập thủ tục chuyển cấp đô thị) trung bình 1 ÷ 3 năm.

Biểu 2 - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 VÙNG MIỀN NÚI TỈNH PHÚ YÊN

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH - DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM HUYỆN	LĨNH VỰC/ QUY MÔ	VỐN ĐẦU TƯ (ước; tỷ đồng)		
				TỔNG MỨC	PHÂN KỶ GIAI ĐOẠN	
					2012-2015	2016-2020
A	CÁC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG			8.092	3.215	4.847
1	Cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu mía	Các huyện	Giao thông, thủy lợi	52	30	22
2	Thủy lợi sau Thủy điện Sông Ba Hạ	Sơn Hòa, Sông Hinh	Thủy lợi	500		500
3	Thủy lợi sau Thủy điện Sông Hinh	Sông Hinh	Tưới 4.100ha, cấp nước sinh hoạt và sản xuất	250	100	150
4	Hồ chứa nước Mỹ Lâm (đầu tư mới)	Tây Hòa	Tưới 2500ha, cấp nước thủy sản và sinh hoạt	180		180
5	Hồ chứa nước Suối Cái (đầu tư mới)	Phú Hòa	Tưới 1.500ha	50	50	
6	Hồ chứa nước Suối Vực (đầu tư mới)	Sơn Hòa	Tưới 2.500ha	250		250
7	Hồ chứa nước Buôn Thu (đầu tư mới)		Tưới 1.500ha	200		200
8	Hồ chứa nước Tân Hiến (đầu tư mới)		Tưới 350ha	40	40	
9	Hồ chứa nước Buôn Đức (đầu tư mới)	Sông Hinh	Tưới 300ha	50	50	

10	Hồ chứa nước Kỳ Châu (Xuân Lãn; đầu tư mới)	Đồng Xuân	Tưới 300ha lúa, mía	40	40	
11	Hồ chứa nước Phú Xuân (cải tạo)			20	20	
12	Chống sạt lở bờ sông Kỳ Lộ		6 km	20	20	
13	Chống sạt lở bờ sông Ba	Sơn Hòa	10 km	30	30	
14	Cải tạo nâng cấp các tuyến: QL25 và ĐT645	Sơn Hòa, Sông Hinh	50 km	400	400	
15	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường nội tỉnh khác qua địa bàn khu vực miền núi	Các huyện	210 km đường nhựa, 20 cầu	1036	500	536
16	Nhựa+bê tông hóa các tuyến đường huyện		175 km	518	300	218
17	Bê tông hóa các tuyến đường xã		453 km	906	500	406
18	Đầu tư cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp			1500	500	1000
19	Đầu tư cơ sở hạ tầng các làng nghề			30	20	10
20	Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch		Giao thông, hệ thống dịch vụ	500		500
21	Trung tâm thương mại các huyện			100	50	50
22	Dự án cấp nước sinh hoạt (<i>năm 2020: 100% hộ dân được sử dụng nước sạch</i>)			80	50	30
23	Các dự án xử lý rác thải các đô thị			100	50	50
24	Hỗ trợ đầu tư y tế huyện, xã			150	50	100
25	Đầu tư kiên cố hóa trường lớp, tăng cường trang thiết bị dạy-học, xây mới các trường		10 - 15 phòng học	220	150	70
26	Đầu tư trường trung cấp Nghề	Sơn Hòa	300 - 400 HS/năm	30	25	5
27	Đầu tư trung tâm đào tạo-dạy nghề	Sông Hinh, Đồng Xuân, Vân Hòa	1.500 - 2.000 HS/năm	65	30	35
28	Đầu tư cơ sở văn hóa, thể thao: các khu ở huyện, các trung tâm ở xã	Các huyện	3 - 5 ha/khu-trung tâm	150	50	100
29	Đầu tư kết cấu hạ tầng các đô thị			200	50	150
30	Cải tạo mạng lưới điện			150	100	50
31	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thông tin liên lạc			60	30	30

32	Đầu tư nâng cấp, xây mới bến xe huyện, xã			15	10	5
33	Cơ sở hạ tầng thị trấn huyện lỵ mới Vân Hòa	Vân Hòa		200		200
B	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH			6.517	2.177	4.340
1	Thủy điện Krôngnăng	Sông Hinh		2.000	1000	1000
2	Thủy điện Đá Đen	Tây Hòa	9 MW	800		800
3	Thủy điện Khe Cách	Đồng Xuân	7 MW	500		500
4	Thủy điện La Hiên 1 (đang xây dựng)	Đồng Xuân	23 MW	500	500	
5	Thủy điện La Hiên 2 (đang xây dựng)	Đồng Xuân	5 MW	420	420	
6	NM sản xuất Bột trợ lọc	Tuy An	2500 - 5000 tấn/năm	100		100
7	Nâng cấp mở rộng nhà máy Đường KCP	Đồng Xuân	2000 tấn mía/ngày	20	20	
8	Dự án khai thác vàng (Mò O)	Sông Hinh	100 ngàn tấn quặng/năm	320	20	200
9	Nhà máy chế biến đá granit ốp lát	Đồng Xuân		12	12	
10	Nhà máy khai thác, chế biến đá Granít (Xuân Lâm)	Sông Cầu		15	15	
11	Đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu cao su	Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh	$\Sigma = 20.000$ ha	20	20	
12	Nhà máy chế biến mũ cao su	Sơn Hòa	5 - 6,5 ngàn tấn/năm	200		200
13	Trồng rừng kinh tế nguyên liệu giấy	Các huyện	40.000ha	70	50	20
14	Nhà máy sản xuất giấy và bột giấy	Sông Hinh	30-50 ngàn tấn/năm	150		150
15	Phát triển đàn bò và chế biến thịt	Các huyện	tăng tỷ lệ bò lai 80%	150	20	130
16	Các siêu thị tổng hợp, trung tâm thương mại			100	30	70
17	Khu du lịch sinh thái cao nguyên Vân Hòa	Vân Hòa		500		500
18	Khu dịch vụ du lịch sinh thái hồ thủy điện	Sông Hinh, Sơn Hòa		20	10	10
19	Khu du lịch suối nước nóng Triêm Đức	Đồng Xuân		500		500
20	Hệ thống nhà hàng, khách sạn	Các huyện		100	50	50